

# Học tập thông qua phục vụ cộng đồng – cơ hội và thách thức đối với giảng viên, sinh viên ngành Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp

Nguyễn Thị Bích Hưng\*, Đỗ Thị Thảo\*

\*ThS. GV, Công tác xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp

Received: 30/3/2023; Accepted: 5/4/2023; Published: 10/4/2023

**Abstract:** In this article, we discuss the concepts of learning model through community service and analyze the advantages and disadvantages of applying this for the bachelor's degree in Social Work, thereby proposing some solutions to implement the model in some subjects with unity and spirit of service for the local and national development.

**Keywords:** Social work, Dong Thap University, community service, students

## 1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội “là nghề nghiệp tham gia vào giải quyết vấn đề liên quan tới mối quan hệ của con người và thúc đẩy sự thay đổi xã hội, tăng cường sự trao quyền và giải phóng quyền lực nhằm nâng cao chất lượng sống của con người. Công tác xã hội sử dụng các học thuyết về hành vi con người và lý luận về hệ thống xã hội vào can thiệp sự tương tác của con người với môi trường sống”. Bản chất của công tác xã hội (CTXH) Là trợ giúp thân chủ vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống và có khả năng tự nâng cao năng lực của bản thân thông qua các hoạt động can thiệp với cá nhân, nhóm trong cộng đồng (CĐ) họ sinh sống. Do vậy, việc gắn kết giữa hoạt động dạy - học của giảng viên (GV) và SV với CĐ là hết sức cần thiết. Tuy nhiên mô hình học tập này còn hết sức mới mẻ ở Việt Nam nói chung và ở Đồng Tháp nói riêng.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm và lợi ích của mô hình học tập thông qua phục vụ cộng đồng (PVCD)

- CĐ là tập hợp những người dân chung sống trên một vị trí địa lý cấp cơ sở có quan hệ với nhau, gắn kết với nhau bằng tình làng nghĩa xóm, cùng chia sẻ với nhau những truyền thống cũng như những nhu cầu, những mối quan tâm chung.

- Phục vụ cộng đồng là những hoạt động mang tính chất phi lợi nhuận. Với sự tham gia của các tình nguyện viên làm những công việc đáp ứng nhu cầu của người dân sinh sống trong CĐ, thể hiện được tính trách nhiệm của người tham gia đối với địa phương nơi mình sinh sống hoặc địa phương giúp

họ có những trải nghiệm cá nhân. Đồng thời mang đến cho người dân những thay đổi tích cực để làm cho môi trường sống ngày càng tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn.

- Mô hình học tập thông qua PVCD là một phương pháp dạy và học thông qua các hoạt động thực tiễn thể hiện qua việc đáp ứng những nhu cầu của người dân sinh sống trên một địa bàn nhất định dựa trên việc vận dụng những lý thuyết, kỹ năng nhất định của SV, dưới sự hướng dẫn của GV hoặc người có kinh nghiệm chuyên môn tại CĐ.

Việc học tập thông qua CĐ đem đến nhiều lợi ích cho tất cả các bên tham gia ở các mức độ khác nhau.

- Đối với người học: Cơ hội được lĩnh hội kiến thức thông qua hoạt động thực tế với một phương pháp hoàn toàn khác so với phương pháp truyền thống trên lớp học. SV có thể cảm nhận được tính đa dạng của các đối tượng trong CĐ, tính đa dạng ở đây có thể là những thực thể liên quan đến văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán và những nhận thức của người dân. Bằng cách làm việc tại thực tế, SV có thể gắn bó hơn đối với những lựa chọn của bản thân, có hiểu biết sâu sắc đối về những ưu điểm và những hạn chế của mình. Bên cạnh đó, SV còn phát triển được các kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, SV còn có cơ hội để chứng tỏ mình là người có trách nhiệm xã hội, phát triển khả năng thích ứng.

- Đối với người dạy: Hoạt động học tập thông qua CĐ giúp GV làm phong phú hơn về phương pháp giảng dạy. Giáo viên sẽ có cơ hội hiểu cụ thể

về những văn hoá, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng, lịch sử hình thành của CĐ từ đó đưa ra những nội dung hướng dẫn phù hợp với chuyên môn và phù hợp với năng lực của SV. Tham gia hoạt động PVCĐ, người dạy vừa truyền đạt được những kiến thức lý thuyết cần có cho người học, đồng thời vừa cập nhập thêm những hoạt động thực tế bổ sung cho nội dung bài giảng, vừa hướng dẫn SV áp dụng lý thuyết vào trong cuộc sống, vừa soi rọi lại những điều lý thuyết còn hạn chế.

- *Đối với CĐ*: Với những hoạt động thực tế của SV, người dân trong CĐ có thể được xem là đối tượng thụ hưởng trực tiếp. Bằng sức trẻ, sự nhiệt tình, hăng hái của SV, CĐ có thể sẽ được cải thiện những vấn đề liên quan trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày như việc đảo đảm môi trường trong lành, nâng cao ý thức chấp hành luật pháp, cải thiện điều kiện sống, chăm sóc về dinh dưỡng, y tế. CĐ đóng vai trò cực kỳ to lớn trong việc cung cấp môi trường thực hành, cung cấp những tình huống thực tế, phản ánh những thay đổi của xã hội cho người dạy và người học.

- *Đối với cơ sở đào tạo*: Hỗ trợ và tạo điều kiện cũng như có những chính sách khuyến khích GV mạnh dạn đưa các môn học áp dụng phương pháp học tập thông qua hoạt động tại CĐ giúp cho các cơ sở giáo dục đạt được các mục tiêu trong sứ mạng của nhà trường, hầu hết các trường đại học tại Việt Nam hiện nay đều đề cao hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học phải đáp ứng được nhu cầu của xã hội và mang lại lợi ích cho CĐ, bên cạnh đó còn xây dựng được hình ảnh và khẳng định được vị thế, vai trò của trường Đại học đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá của vùng. Thông qua những phản hồi của người học, nhà trường cũng có thể nắm bắt kịp thời những xu hướng mới của xã hội đối với các ngành học hoặc những ngành mới đáp ứng kịp thời của sự thay đổi xã hội.

## **2.2. Những cơ hội đối và thách thức với GV và SV ngành CTXH, Trường ĐHĐT**

**2.2.1. Thuận lợi**: Chương trình đào tạo CTXH của trường ĐHĐT từ 2005 đến nay đã có nhiều sự thay đổi theo hướng tăng thực hành, giảm giờ dạy lý thuyết. Điều này giúp cho GV và SV có được sự gắn kết nhất định với CĐ. Do đó, hoạt động gắn kết với CĐ không còn là khái niệm xa lạ đối với GV và sinh SV. Do hoạt động trong nhiều năm, mạng lưới kiểm huấn viên (người hướng dẫn thực hành nghề nghiệp tại cơ sở) cũng được mở rộng, nhiều địa phương, người hướng dẫn cũng chính là cựu SV của ngành,

do đó có sự hiểu biết về mục đích và hoạt động khi SV kết nối.

**2.2.2. Khó khăn**: Mặc dù có nhiều môn học đã thể hiện sự gắn kết với CĐ, nhưng mới chỉ chú trọng mặt kiến thức, chưa có nhiều hoạt động liên quan đến đáp ứng nhu cầu của CĐ, điều này được hiểu là trong thời gian qua, các hoạt động gắn kết với CĐ của ngành CTXH chỉ có tính chất 1 chiều, đó là đưa SV đến CĐ để đạt được các mục tiêu về đào tạo, chứ chưa hướng đến những sản phẩm có thể phục vụ cho công đồng.

**Thời gian ngắn**: Thiết kế các môn học chỉ gói gọn trong 1 học kỳ, đồng thời trong 1 kỳ SV cũng phải học các môn học khác, do đó thời gian để gắn kết với CĐ rất hạn chế, ngoài ra nếu tham gia các hoạt động tại CĐ, SV chỉ có thể chọn những CĐ gần trường, do không thể di chuyển quá xa khi còn phải học những môn học tại lớp học. Bên cạnh đó, để tìm hiểu được vấn đề và cảm nhận được những khó khăn của người dân, SV cần phải thực sự am hiểu được CĐ nơi mình đến, làm việc nhiều, tiếp xúc với nhiều người mới có thể giúp người học có những va chạm thực tế và cũng có thể tăng các kỹ năng làm việc, ứng phó linh hoạt với các tình huống trong thực tế.

**Khó đánh giá và kiểm soát các hoạt động**: Học tập thông qua hoạt động CĐ là quá trình học tập dựa trên những trải nghiệm cá nhân, nó khác với cách học thông thường trên lớp học, do đó khó có một khung đánh giá chung về mức độ đạt được của mỗi hoạt động. Trong thực tế, mọi tình huống có thể xảy ra, đôi lúc có những tình huống không nằm trong dự đoán của GV và SV, nếu không có kinh nghiệm xử lý, dễ dẫn đến sự lúng túng hoặc xử lý không đúng cách dẫn đến kết quả không như mong muốn, điều này gây ảnh hưởng tâm lý cho SV và những nghi ngờ về tính chuyên nghiệp của GV từ đánh giá của CĐ.

**Kinh phí**: Để có được những lợi ích cho các bên tham gia, thì người dạy và người học đều phải có rất nhiều hoạt động cụ thể, các hoạt động này phải được diễn ra thường xuyên với sự tham gia của CĐ. Đồng thời với sự hấp dẫn của sự trải nghiệm, còn là thời gian và công sức của những người hướng dẫn (GV, cán bộ địa phương). Do đó, nếu không có kinh phí thoả đáng, rất khó để khuyến khích GV áp dụng mô hình học tập này vào trong thực tế.

## **2.3. Một số kiến nghị**

Để gắn kết được với các hoạt động PVCĐ, nhà trường cần có những định hướng về chính sách hỗ trợ, hướng dẫn cách thức thực hiện và những yêu cầu cần đạt được một cách cụ thể cho GV, SV trong

trường. Bên cạnh đó, để tăng năng lực cho đội ngũ GV về hoạt động dạy học thông qua PVCD, trường đại học cũng cần phải tổ chức các đợt tập huấn hoặc cử cán bộ GV tham gia các buổi tập huấn, hội thảo liên quan. Một số trường hợp cần thiết, có thể mời những chuyên gia có kinh nghiệm về hướng dẫn chi tiết cho phù hợp với nội dung của từng ngành.

GV ngành CTXH cần tích cực nghiên cứu thực tế ở các địa phương khác nhau và tùy vào từng môn học mà mình đảm nhiệm để thiết kế những nội dung dạy học cho phù hợp với CD và năng lực của SV. Điều này chắc chắn đòi hỏi nhiều thời gian và công sức của thầy cô hơn là thiết kế bài giảng thông thường, nhưng với sự phát triển chung, các vấn đề xã hội và vấn đề của thân chủ cũng không ngừng thay đổi, tiếp cận được thực tế sẽ giúp cho GV và SV tích lũy kinh nghiệm phong phú hơn, linh hoạt hơn. Không nên tổ chức một cách ồ ạt, việc học tập thông qua PVCD cần tiến hành theo một kế hoạch nhất định. Có thể bắt đầu thử nghiệm 1 môn học với mục tiêu rõ ràng, các hoạt động cụ thể và những chỉ báo có thể đo lường được, đồng thời có sự giám sát chặt chẽ của các bên liên quan đặc biệt là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực học tập thông qua PVCD.

Tăng cường các hoạt động nghiên cứu liên quan đến việc tạo ra những sản phẩm có thể đáp ứng nhu cầu cho CD. Không như những ngành khoa học tự nhiên, CTXH là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nên những sản phẩm của nghiên cứu khoa học thường thấy là những lý thuyết hoặc các nghiên cứu thiên về thực trạng và đề xuất giải pháp, những sản phẩm mang tính ứng dụng cụ thể thường ít thấy trong các đề tài nghiên cứu của ngành CTXH. Các sản phẩm khoa học PVCD có thể là một mô hình tin dụng tiết kiệm cũng có thể là thành lập nhóm và chuyển giao những kinh nghiệm quản lý, điều hành nhóm.

GV CTXH cần chủ động kết nối với những tổ chức hoặc những cộng sự có kinh nghiệm trong việc dạy học thông qua PVCD, hiện nay có không ít trường ĐH đã áp dụng mô hình này vào trong thực tế nhưng đối với ngành CTXH thì chưa đề cập đến phương pháp này, tuy nhiên học hỏi từ những trải nghiệm của những người đi trước cũng có thể giúp cho GV có định hướng cho môn học của mình.

Chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính và có những liên kết chặt chẽ với nhà trường cũng như với GV và SV để khuyến khích các hoạt động dạy và học diễn ra tại CD. Các

những người am hiểu về CD để cung cấp và giải đáp cũng như những hướng dẫn cho SV trong một số trường hợp liên quan đến phong tục tập quán, thói quen, tín ngưỡng của người dân.

### 3. Kết luận

Đối với CTXH, dạy và học thông qua PVCD đem đến cả người dạy và người học lợi ích cho quá trình phát triển bản thân, thích ứng với xã hội và trở thành công dân có trách nhiệm với xã hội. Việc vận dụng phương pháp mới đối với ngành học CTXH là cần thiết, với lợi thế có nhiều hoạt động tình nguyện và nhiều năm tiến hành thực hành, thực tập tại CD, GV và SV ngành CTXH, Trường ĐHTT đã có những vốn kinh nghiệm làm việc với người dân tại địa phương và mạng lưới kết nối đa dạng, phong phú. Tuy nhiên vẫn còn có những khó khăn nhất định trong quá trình tiến tới áp dụng phương pháp học tập từ hoạt động PVCD như chủ trương, chính sách của nhà trường, sự vận hành một cách chuyên nghiệp và bài bản, tài chính, quá trình đánh giá của GV đối với sự tham gia của SV. Để vượt qua các khó khăn, cần có sự quyết tâm của nhà trường, người dạy – người học, CD và cả những tổ chức, những mạng lưới đã thực hiện mô hình học tập thông qua hoạt động PVCD ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

### Tài liệu tham khảo

1. Huỳnh Việt Nam, Nguyễn Ngọc Thắng (2021), *Giới thiệu mô hình học tập PVCD*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo thể thao (số 17 – 9/2021), Tr 87-91
2. Nguyễn Kim Liên (2010), *Giáo trình Phát triển CD*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồi Loan (2015), Nguyễn Thị Kim Thoa (đồng chủ biên), *Giáo trình công tác xã hội đại cương*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Huyền, Phan Nguyễn Ái Nhi, Lê Mỹ Loan Phụng (2013), *Học tập PVCD trong môi trường giáo dục*. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tr. 1-8, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai, Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Huyền (2022), *Hoạt động kết nối PVCD của SV Trường Đại học Sao Đỏ: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao đỏ, Số 2 (77) 2022, Tr 115 -121.
6. Trương Viên, Huỳnh Thanh Bình (2021), *Nghiên cứu việc tích hợp học tập PVCD vào chương trình giảng dạy đại học*, Tạp chí khoa học Đại học Huế, Khoa học xã hội và nhân văn, Tập 130, Số 6A, 2021, Tr. 65–80